TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **52**/2022/DS-ST
Ngày: 28– 09 – 2022.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Nik Êban.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Bà Giản Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2021/TLST – DS, ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST – DS, ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST–DS, ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cù Thị H. Địa chỉ: Thôn 5A, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Duy B. Địa chỉ: Tổ

dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T. Nơi cư trú: Thôn 13, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay đổi thành thôn 5, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, ngày 26/7/2021 và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 25/2/2020 bà Cù Thị H có cho ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T, cư trú tại thôn 13, xã Ô (nay đổi thành thôn 5, xã Ô), huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn), với mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong giấy vay tiền là lãi suất 2%/ 1tháng. Hẹn đến tháng 6 năm 2020 trả tiền. Tuy nhiên từ đó đến nay mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng ông T, bà T không trả cho bà H được khoản tiền nào cả mà cứ hẹn mãi không chịu trả nợ. Vì vậy bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T trả cho nguyên đơn bà Cù Thị H số tiền vay gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chăn) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm (tương đương mức lãi suất 1.66%/ tháng) tính từ ngày vay 25/02/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B có mặt; bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng

dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Ông Lê Duy B trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quyền tham gia tố tụng của các bên.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị H. Buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cù Thị H số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) là 75.917.808đ. Xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Cù Thị H lập ngày 26 tháng 7 năm 2021 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là giấy vay tiền lập ngày 25/02/2020, Toà án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm khởi kiện, bị đơn ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T, cư trú tại thôn 13, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị H yêu cầu bị đơn ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cù Thị H 50.000.000 đồng tiền vay gốc, HĐXX nhận định: Trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, Toà án đã triệu tập ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T đến Toà án lập bản tự khai, tham gia phiên họp và hoà giải nhưng ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, Đắk Lắk đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 07/2022/QĐ-TCGĐ trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết: Lương Minh T, Hoàng Thị T trong giấy vay tiền, ngày 25/02/2020 (bút lục số 87) theo đơn yêu cầu của bà Cù Thị H.

Tại kết luận giám định số: 652/KL –KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận giám định như sau:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Thị T trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ kí, chữ viết mang tên Hoàng Thị T trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Lương Minh T trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ kí, chữ viết mang tên Lương Minh T trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy căn cứ đơn khởi kiện, lập ngày 26/7/2021 và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Duy B trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên toà và căn cứ kết luận giám định số 652/KL –KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Ngày 25/02/2020 ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có ký xác lập giấy vay tiền với bà Cù Thị H vay số tiền 50.000.000đ. Việc các bên xác lập giấy vay tiền trên là có thật và theo giấy vay tiền lập ngày 25/02/2020 các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ vào tháng 6 năm 2020 (dỡ khoai lang) sẽ trả số tiền trên nhưng đến nay ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T chưa trả tiền cho bà Cù Thị H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị H là có căn cứ, vì vậy HĐXX căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị H. Buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cù Thị H số tiền 50.000.000 đồng vay gốc là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền lập ngày 25/02/2020, thể hiện mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương mức lãi suất 24%/năm), như vậy mức lãi suất trong hợp đồng vay các bên đã thỏa thuận vượt quá mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B đề nghị HĐXX áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/ năm (tức 1,66%/tháng) kể từ ngày vay 25/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 là có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Mức lãi suất được tính như sau: Ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T vay từ ngày 25/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 là 946 ngày x 20%/ năm x 50.000.000đ/365 ngày = 25.917.808đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất, HĐXX buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cù Thị H số tiền là 75.917.808đ (bảy mươi lăm triệu, chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 50.000.000đ và tiền lãi suất là 25.917.808đ.

[3] Về lệ phí giám định: Căn cứ vào các Điều 159, 160, 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự: Buộc ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Cù Thị H 4.050.000đ tiền chi phí giám định chữ ký.

[4] Về phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị H được Tòa án chấp nên buộc bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T phải chịu 3.795.891đ (ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, (theo mức: 75.917.808đ x 5%).

Bà Cù Thị H được nhận lại số tiền 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

60AA/2021/0005634 ngày 19/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 6 Điều 95, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị H.

1. Buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cù Thị H tổng số tiền là 75.917.808đ (bảy mươi lăm triệu, chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng); Trong đó: Tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 25.917.808 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Cù Thị H 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Lương Minh T và bà Hoàng Thị T phải chịu 3.795.891đ (ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Cù Thị H được nhận lại số tiền 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005634 ngày 19/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Cù Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Lương Minh T, bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai